

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17/3/2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Đình Đạt.

2. Bà Lê Thị Minh Khánh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17/03/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXX-ST ngày 28/02/2022, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Đỗ Quốc Đ, sinh năm 1990 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

HKTT: phố Bài, thị trấn Nh, huyện Tân Y, tỉnh B.

(Đang cư trú, lao động ở: Iwate ken Takizawa Ichinosawa 62- ban ike 131 kopotomeba 2F- A- go, Nhật Bản).

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của anh Đ: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố Bài, thị trấn Nh, huyện Tân Y, tỉnh B.

- ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thùy Tr, sinh năm 1990 (Đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT: Khu Đầu, thị trấn Nh, huyện Tân Y, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Đỗ Quốc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh đã từng lao động tại Nhật Bản. Sau đó hết hợp đồng lao động anh về Việt Nam và có quen biết tìm hiểu chị Tr. Anh và chị Tr kết hôn ngày 15/7/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nh, huyện Tân Y, tỉnh B. Trước khi kết hôn 02 bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, có được sự đồng ý của 02 bên gia đình. Đến tháng 8/2019 anh lại tiếp tục sang Nhật Bản làm việc tiếp. Khi anh mới sang Nhật Bản vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, khoảng thời gian sau thì vợ chồng ít liên lạc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng mỗi người ở một nơi, không có sự quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung. Hiện nay, anh và chị Tr không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thùy Tr.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và công nợ chung: không có.

Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mâu thuẫn giữa anh và chị Tr, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại bản tự khai ngày 14/01/2022, chị Nguyễn Thùy Tr trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn Đạt kết hôn với nhau ngày 15/7/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nh, huyện Tân Y, tỉnh B. Trước khi kết hôn chị và anh Đ có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có được sự đồng ý của 02 bên gia đình. Sau khi kết hôn chị đã về gia đình anh Đ là dâu ngay. Do điều kiện kinh tế gia đình, vợ chồng có bàn bạc và quyết định cho anh Đ là thủ tục xuất khẩu lao động ở Nhật Bản. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên có sự liên lạc với nhau qua điện thoại. Do điều kiện 02 vợ chồng sống quá xa nhau cho nên việc liên lạc giữa chị và anh Đ thưa dần. Mỗi lần điện thoại vợ chồng lại xảy ra cãi cọ nhau, không tiếp tục nói chuyện được với nhau nữa. Hiện nay, vợ chồng rất ít liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được nữa, ục đích hôn nhân không đạt

được. Anh Đỗ Quốc Đ có đơn xin ly hôn chị chị đồng ý ly hôn.

Về con chung, vợ chồng không có.

Về tài sản chung và công nợ chung, vợ chồng không có.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Đỗ Quốc Đ và chị Nguyễn Thùy Tr đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Đỗ Quốc Đ; và Bản tự khai của chị Nguyễn Thùy Tr và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh Đỗ Quốc Đ và chị Nguyễn Thùy Tr.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; Điều 150 BLTTDS; khoản 1, 3 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Quốc Đ

Xử cho anh Đỗ Quốc Đ được ly hôn chị Nguyễn Thùy Tr.

Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Anh Đỗ Quốc Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Quốc Đ là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thùy Tr vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị Tr có bản tự khai có bản tự khai đồng ý ly hôn với anh Đ vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị có đơn đề nghị không hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt chị. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Trạng.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Đỗ Quốc Đ là nguyên đơn hiện đang lao động tại Nhật Bản có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thùy Tr, đơn xin ly hôn có xác nhận của đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Đỗ Quốc Đ và chị Nguyễn Thùy Tr kết hôn ngày 15/7/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nh, huyện Tân Y, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Quốc Đ yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thùy Tr.

Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Đ và chị Tr chung sống với nhau được một thời gian. Đến khoảng tháng 8/2019 anh Đ sang Nhật Bản làm việc tiếp còn chị Tr vẫn tiếp tục ở lại Việt Nam. Khi anh Đ mới sang Nhật bản, ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do mỗi vợ chồng một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung trong cuộc sống và hiện nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Anh Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị được ly hôn chị Tr, chị Tr cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Đ. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53,

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Xử cho anh Đ được ly hôn chị Tr.

[4]. Về nuôi con chung: Vợ chồng chưa có con chung, nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Vợ chồng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Đỗ Quốc Đ phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000284 ngày 19/01/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Đ đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; khoản 4 điểm c khoản 5 điều 477; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27; điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Quốc Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thùy Tr.

2. Về án phí: Anh Đỗ Quốc Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000284 ngày 19/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận Anh Đ đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thùy Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Đỗ Quốc Đ hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND thị trấn Nh, huyện Tân Y;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đình Đạt Lê Thị Minh Khánh

Trần Thị Hà

